

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ CẤP NƯỚC
Số: _____ /HDDVCN.

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật Bảo vệ Người tiêu dùng số 59/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ sự thỏa thuận giữa các bên về khả năng cung cấp và nhu cầu sử dụng nước;

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 20.....

Tại: Nhà máy cấp nước Chùa Hang, tổ 7, thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

I. Bên cung cấp dịch vụ (gọi tắt là Bên A)

Tên đơn vị: **Công ty TNHH Thương mại Thành Hiệu**

Đại diện là ông: Dương Hữu Hiệu Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ: Số 711, đường Cách mạng Tháng 8, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên.

Số ĐT (Phòng Kinh doanh): 0280.3720.183 FAX :0280.3720.427

Số TK: 39010000083785, Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên

Mã số thuế : 4600417667

II. Khách hàng sử dụng nước (gọi tắt là Bên B)

Chủ hộ (hoặc tên cơ quan):

Hoặc người được uỷ quyền:.....

Số CMND (Giấy uỷ quyền số): cấp ngày...../...../.....tại:.....

Nơi thường trú:

Địa chỉ mua nước:

Số TK: tại.....

Mã số thuế:Số ĐT liên hệ:

Cùng nhau thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ cấp nước với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng của hợp đồng

Bên A cung cấp nước sạch sinh hoạt phù hợp với khả năng cung cấp của hệ thống cấp nước (HTCN) hiện có, bảo đảm điều kiện chất lượng dịch vụ cam kết; bên B sử dụng nước sạch theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Điều kiện chất lượng dịch vụ

1. Bên A đảm bảo cung cấp nguồn nước sạch sinh hoạt với chất lượng theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt do Bộ Y tế ban hành, phù hợp với khả năng cung cấp của HTCN hiện có và với tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt nông thôn hiện hành

2. Khi có sự cố hoặc có phản ánh của Bên B về chất lượng nước sạch được cung cấp, Bên A có trách nhiệm kiểm tra HTCN do đơn vị quản lý. Việc tổ chức khắc phục sự cố xảy ra sau đồng hồ nước do Bên B thực hiện.

3. Tổ chức khảo sát, thi công kết nối và bảo trì đồng hồ nước cho bên B bảo đảm quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật. Chi phí kết nối vào HTCN do bên B thanh toán theo bảng chiết tính thực tế do bên A lập.

Điều 3. Giá nước sạch

Giá nước áp dụng theo biểu giá được UBND tỉnh phê duyệt theo từng thời điểm. Trường hợp giá nước có thay đổi, Bên A sẽ thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc thông báo trực tiếp đến Bên B biểu giá mới và thời điểm bắt đầu áp dụng.

Điều 4. Phương thức thanh toán

Hóa đơn tiền nước được phát hành 12 kỳ/năm. Hàng tháng, khi nhận giấy báo tiền nước, Bên B thanh toán tiền nước một lần tại địa chỉ đặt đồng hồ nước.

Trường hợp Bên B chưa thể thanh toán tiền nước ngay khi nhận giấy báo thì phải đến thanh toán tại các địa điểmvào giờ hành chính, trong thời hạn 07 ngày. Sau thời hạn qui định mà bên B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước, bên A sẽ gửi văn bản thông báo ngưng cung cấp dịch vụ.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Bên A có quyền:

a) Được vào khu vực quản lý của Bên B để kiểm tra và thực hiện các nghiệp vụ cấp nước;

b) Ngừng thực hiện dịch vụ cấp nước trong các trường hợp:

- Theo yêu cầu bằng văn bản của Bên B;

- Do Bên B vi phạm thời hạn thanh toán tiền nước hoặc các nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng này;

- Bên B không sử dụng nước quá 3 tháng mà không thông báo trước cho bên A;

- Do yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trường hợp ngừng cấp nước thuộc nội dung 1, 2 và 3 tại điểm b của điều này, Bên B phải chịu chi phí phát sinh cho việc tái lập dịch vụ cấp nước theo chiết tính của bên A.

Việc ngừng dịch vụ cấp nước được thực hiện:

- Ngay khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Sau 3 tuần kể từ khi có thông báo của Bên A về việc ngừng dịch vụ cấp nước;

- Sau 10 tuần kể từ khi có thông báo của Bên A về việc ngừng dịch vụ cấp nước trong trường hợp Bên B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nước do những lý do khách quan và đã thông báo cho Bên A bằng văn bản những lý do trên.

2. Bên A có nghĩa vụ:

- a) Cung cấp dịch vụ cấp nước cho khách hàng, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dịch vụ theo quy định;
- b) Tiếp nhận và có biện pháp giải quyết kịp thời khi Bên B thông báo các sự cố về chất lượng nước, áp lực nước hoặc văn bản khiếu nại về đồng hồ nước;
- c) Thông báo cho Bên B trước 24 giờ khi tạm ngưng cung cấp nước để phục vụ công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng định kỳ, trừ trường hợp xảy ra sự cố đột xuất;
- d) Ghi chỉ số đồng hồ nước hàng tháng theo lịch trình cố định. Khi cần thiết có thể dịch chuyển ngày ghi chỉ số trước hoặc sau 3 ngày so với lịch trình cố định;
- e) Thông báo cho Bên B các quy định mới liên quan đến việc cung cấp, sử dụng nước, thay đổi giá nước;
- g) Tiếp nhận và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của Bên B về các vấn đề liên quan đến việc cung cấp, sử dụng nước.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Bên B có quyền:

- a) Yêu cầu Bên A cung cấp nước sạch với điều kiện chất lượng và dịch vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng; kiểm tra chất lượng nước sạch, tính chính xác của thiết bị đo đếm nước sạch; số tiền nước phải thanh toán; khôi phục việc cung cấp nước trong thời gian sớm nhất sau khi HTCN bị sự cố;
- b) Kiểm tra, giám sát việc ghi chỉ số đồng hồ của đơn vị cấp nước;
- c) Được Bên A cung cấp thông tin về các sự cố liên quan đến việc cung cấp nước, thay đổi giá nước;
- d) Yêu cầu Bên A tạm ngừng dịch vụ cấp nước trong một thời gian nhất định, Bên B phải trả các chi phí phát sinh về việc đóng, mở nước theo chiết tính của bên A.

2. Bên B có nghĩa vụ:

- a) Thanh toán tiền nước đầy đủ và đúng thời gian theo Điều 4 của hợp đồng này. Trường hợp Bên B có khiếu nại đang chờ Bên A hoặc các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, Bên B vẫn phải thanh toán tiền nước còn nợ theo đúng thời hạn đã được thông báo;
- b) Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A ghi chỉ số đồng hồ nước, thay đồng hồ nước định kỳ và kiểm tra HTCN phía sau đồng hồ nước; đảm bảo nơi đặt đồng hồ nước thuận lợi cho việc ghi chỉ số và thay thế đồng hồ nước; bảo quản đồng hồ nước, các thiết bị và các chi niêm phong do Bên A lắp đặt; không làm sai lệch đo đếm của đồng hồ nước; không gây trở ngại khi Bên A thực hiện quyền quản lý và khai thác trên HTCN của Bên A;
- c) Kịp thời thông báo cho Bên A khi phát hiện các sự cố về chất lượng nước, áp lực nước hoặc sự bất thường của đồng hồ nước. Khách hàng sử dụng nước có trách nhiệm bảo vệ đồng hồ nước lắp đặt trong khu vực quản lý của mình và thông báo kịp thời cho đơn vị cấp nước khi phát hiện đồng hồ nước bị mất hoặc bị hỏng;
- d) Không tự ý sửa chữa hoặc thay đổi hệ thống ống dẫn từ đồng hồ nước trở ra thuộc thẩm quyền quản lý của Bên A; không được sử dụng máy bơm hút nước trực tiếp từ

HTCN của Bên A; không được bơm nguồn nước khác ngược vào HTCN; không đấu nối chung HTCN của Bên A với các HTCN khác; không được tự ý sửa chữa, di dời đường ống trước đồng hồ;

e) Không được đấu nối nước cho các hộ khác. Không được sử dụng nước vào mục đích khác so với thỏa thuận ban đầu giữa hai bên.

Điều 7. Bồi thường thiệt hại

1. Bên A có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên B trong các trường hợp sau:

a) Bán nước sạch cao hơn giá quy định cho Bên B thì phải bồi thường thiệt hại cho Bên B, mức bồi thường bằng khoản tiền chênh lệch giá đã thu thừa;

b) Ghi sai chỉ số đồng hồ nước dẫn đến thu tiền nước nhiều hơn số tiền Bên B phải trả, mức bồi thường bằng khoản tiền thu thừa;

c) Tính sai hóa đơn tiền nước gây thiệt hại cho Bên B, mức bồi thường bằng khoản tiền chênh lệch giá do tính sai.

2. Bên B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên A trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm các nghĩa vụ nêu tại Điểm d và e, Khoản 2, Điều 6 của hợp đồng này, gây thiệt hại cho Bên A; mức bồi thường thiệt hại theo giá trị thực tế nhưng không dưới số tiền tương đương với 200m³ nước theo đơn giá cao nhất.

b) Có các hành vi trộm cắp nước sạch dưới mọi hình thức, ngoài việc bị xử lý hành chính theo quy định của pháp luật, còn phải bồi thường thiệt hại cho Bên A; mức bồi thường thiệt hại theo giá trị thực tế nhưng không dưới số tiền tương đương với 800m³ nước theo đơn giá cao nhất.

Điều 8. Chuyển giao, thanh lý hợp đồng

Trường hợp Bên B chuyển giao bất động sản cho đối tượng khác dưới các hình thức như: chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, cho, tặng thì phải chuyển giao cả quyền và nghĩa vụ được nêu tại hợp đồng này hoặc thanh lý hợp đồng với Bên A. Trường hợp người sử dụng nước tiếp theo chưa đăng ký, ký lại hợp đồng thì Bên B vẫn chịu trách nhiệm về việc thực hiện các nghĩa vụ của Hợp đồng này.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

a) Hợp đồng được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Bên A không còn điều kiện cung cấp nước;

- Bên B không sử dụng nước liên tục 3 tháng mà không thông báo cho bên A tạm ngừng dịch vụ;

- Bất động sản có đồng hồ nước bị giải tỏa, di dời theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Khi bên B đã chuyển giao bất động sản cho đối tượng khác nhưng người sử dụng nước tiếp theo không liên hệ với bên A để đăng ký sang tên lại hợp đồng;

- Bên B vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nước, các nghĩa vụ khác theo hợp đồng hoặc vi phạm những quy định hiện hành khác về cung cấp, sử dụng nước;

- Hai bên thỏa thuận thanh lý và chấm dứt hợp đồng.

b) Hợp đồng được khôi phục hoặc ký lại sau khi các vướng mắc hai bên đã được giải quyết.

Điều 10. Giải quyết tranh chấp và vi phạm hợp đồng

Nếu xảy ra vi phạm hợp đồng thì tùy thuộc vào lỗi của bên vi phạm mà xác định mức độ bồi thường, xử phạt căn cứ theo hợp đồng, các quy định về cung cấp, sử dụng nước hiện hành và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 11. Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng. Ngoài nghĩa vụ cụ thể được quy định trong hợp đồng, hai bên nghiêm chỉnh thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước về cung cấp và sử dụng nước. Trường hợp các quy định pháp luật liên quan có thay đổi, hai bên thực hiện hợp đồng theo qui định của văn bản pháp luật hiện hành.

Trường hợp phát sinh tranh chấp, hai bên giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần thiện chí, đảm bảo quyền lợi của nhau. Nếu thương lượng không thành thì việc tranh chấp sẽ do cơ quan có thẩm quyền hoặc do Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và không xác định thời hạn chấm dứt. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu chấm dứt hợp đồng, thay đổi hoặc bổ sung nội dung đã ký trong hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 15 ngày để cùng giải quyết.

Hợp đồng này được lập thành 2 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản để thi hành./.

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ
(Ký tên và đóng dấu)

BÊN KHÁCH HÀNG SD NƯỚC
(Ký, ghi rõ họ tên)

Dương Hữu Hiệu